

Bản án số: 157/2024/DS-PT

Ngày: 09-4-2024

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 583/2023/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 153/2023/DS-ST ngày 14/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1981; Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông T có Luật sư Quách Trọng P – Đoàn luật sư Tp.Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1979 (Có mặt).

Bà Tăng Thị Út E, sinh năm 1982 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh C ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1975 (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1946 (Có mặt).

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 12. (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh C ..

Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn T – Nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Phan Hồng Q trình bày:

Trước đây cha mẹ ông là ông Huỳnh Đạt N (Huỳnh Văn B) và bà Nguyễn Thị L có cho ông một phần đất có diện tích là 8.903,2 m², đất tọa lạc tại ấp Hợp Tác Xã, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Sau khi cho đất một thời gian, do gia đình gặp khó khăn nên vào năm 2006 cha mẹ cùng với các anh em của ông thống nhất lấy phần đất trên cổ cho ông Nguyễn Văn H ở địa phương với giá 07 (bảy) cây vàng 24k, thời hạn cổ đất là 05 (năm) năm. Sau khi cổ đất ông cùng vợ con ông đến tỉnh Đồng Nai làm ăn sinh sống, đến năm 2015 cha mẹ ông chuộc lại đất và giao cho vợ chồng người em út của ông là ông Huỳnh Văn N và bà Tăng Thị Út E quản lý và canh tác. Sau đó cha ông chết, đến ngày 15/4/2018 âm lịch thì mẹ ông có họp gia đình để phân chia đất cho các con, chia số vàng chuộc đất, cuộc họp có tất cả các thành viên trong gia đình tham gia và đồng ý ký tên vào biên bản. Vào tháng 01/2020 vợ chồng ông trở về địa phương và đưa số vàng mà gia đình đã chuộc đất cho mẹ ông để lấy đất lại canh tác thì em trai ông là ông N hứa đến tháng 05/2020 giao đất lại cho vợ chồng ông nhưng đến hẹn thì ông N vẫn xác định là đất của ông nhưng ông N nói rằng toàn bộ số vàng 07 (bảy) cây vàng 24k là vàng riêng của ông N bỏ ra chuộc đất và yêu cầu ông phải giao đủ 07 (bảy) cây vàng 24k thì ông N mới giao trả lại đất cho ông.

Đất ông T được cha mẹ cho đều được toàn bộ thành viên trong gia đình thống nhất và ông đã được cấp 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 817394 và CX 817395 tại 02 (hai) thửa đất là 607 và 808 thuộc tờ bản đồ số 10, tổng diện tích đất là 8.903,2m², đất tọa lạc tại ấp Hợp Tác Xã, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/11/2020. Ông xác định đất là của ông và số vàng dùng để chuộc lại đất là của cha mẹ ông không phải vàng riêng của vợ chồng ông N vì nếu ông N bỏ vàng ra chuộc đất vào năm 2015 thì sau khi cha ông chết mẹ ông chia đất và chia vàng vào năm 2018 cho đến khi ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26/11/2020 vợ chồng ông N không có phản ứng hay tranh chấp gì cho đến khi ông về yêu cầu giao trả đất lại cho ông thì mới xảy ra tranh chấp. Ông đã làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành.

Từ những lý do trên, ông T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết: Buộc vợ chồng em ông là ông Huỳnh Văn N và bà Tăng Thị Út E phải giao trả đất lại cho ông. Phần đất thuộc 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 817394 và CX 817395 tại 02 (hai) thửa đất là 607 và 808 thuộc tờ bản đồ số 10, tổng diện tích đất là 8.903,2m², đất tọa lạc tại ấp Hợp Tác Xã, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/11/2020.

Bị đơn là ông Huỳnh Văn N, bà Tăng Thị Út E trình bày: Năm 2006, ông Huỳnh Văn T (anh ruột ông N) có cổ 01 phần đất cho ông Nguyễn Văn Hiếu ở ấp

Hợp Tác Xã, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước có diện tích 06 công 01 góc tư tầm 03m với số vàng là 07 (bảy) cây vàng 24K, thời hạn cổ là 05 năm. Hết thời gian cổ đất ông T chưa có vàng để chuộc lại đất, đến năm 2015 ông Hiếu cho chuộc lại đất nhưng ông T không chuộc nên vợ chồng ông bà đứng ra chuộc đất và canh tác cho đến nay. Nay ông T yêu cầu vợ chồng ông bà trả đất mà không đồng ý trả số vàng 07 cây vàng 24K thì ông bà không đồng ý vì khi chuộc đất thì vợ chồng ông bà có làm giấy tờ với ông H và ông H có đưa cho ông giữ tờ giấy cổ đất.

Ông bà xác định số vàng chuộc đất từ ông H là số vàng mà vợ chồng ông bà mượn của ông Huỳnh Văn S và bà Nguyễn Hồng D ở ấp Tân Thuận, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước là 1,5 cây vàng 24K, mượn của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị D 1,8 cây vàng 24K, số vàng còn lại của vợ chồng ông bà dành dụm mà có, cụ thể là làm ruộng và chơi hụi của vợ chồng bà Phạm Thị Đ ở ấp Tân Thuận, xã Tân Hưng, của vợ chồng ông Tăng Văn L ở ấp Tân Phong, xã Tân Thuận, của vợ chồng bà Tăng Thị C ở ấp Hợp Tác Xã, xã Tân Thuận,...Hiện nay, phần đất đang tranh chấp vợ chồng ông bà vẫn đang quản lý, sử dụng và trên phần đất không có công trình, kiến trúc hay cây cối gì có giá trị. Vợ chồng ông bà chỉ thả tôm, cua và 06 tháng thu hoạch một lần. Ông bà xác định vàng chuộc đất là vàng riêng của vợ chồng ông bà, nay ông bà yêu cầu ông T trả đủ 07 cây vàng 24K cho vợ chồng ông bà thì vợ chồng ông bà sẽ trả đất cho ông T, nếu ông T không trả đủ vàng thì vợ chồng ông bà sẽ tiếp tục canh tác phần đất tranh chấp. Ông N xác định việc ông T làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất đang tranh chấp thì thời điểm đó ông không có ở nhà nên không hay biết nên việc ông T cho rằng ông không có ngăn cản việc ông T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng. Ông T cho rằng vàng chuộc đất của cha mẹ ông là không đúng vì cha mẹ ông đã ly thân 32 năm, tiền ai làm người đó xài. Đối với Biên bản họp gia đình ngày 15/4/2018 âm lịch ông có viết tên nhưng không có xem nội dung ghi như thế nào và cũng không có đọc lại nội dung biên bản đó. Thời điểm ông T kêu bán đất cho ông H thì vợ chồng ông bà có ngăn cản, không đồng ý cho ông H giao tiền đặt cọc cho ông T.

Trường hợp Tòa án buộc ông bà trả đất cho ông T thì yêu cầu ông T cho vợ chồng ông bà thu hoạch hết tôm, cua đã thả trên phần đất tranh chấp trong thời hạn 03 tháng trước khi trả đất.

** Bà Nguyễn Thị D trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của ông T, yêu cầu ông Huỳnh Văn N và bà Tăng Thị Út E phải giao trả phần đất đang tranh chấp cho ông T, phần đất thuộc 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 817394 và CX 817395 tại 02 (hai) thửa đất là 607 và 808 thuộc tờ bản đồ số 10, tổng diện tích đất là 8.903,2m² tọa lạc tại ấp Hợp Tác Xã, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/11/2020.

** Ông Nguyễn Văn H trình bày:* Vào năm 2006 ông và vợ ông là bà Lê Thị L có cổ đất của vợ chồng ông Huỳnh Văn T với bà Nguyễn Thị D, phần đất diện tích 6,4 công tầm lớn với giá là bảy cây vàng 24k, tọa lạc tại ấp Hợp Tác Xã, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (Phần đất này do vợ chồng ông T quản

lý, sử dụng nhưng chưa đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), có sự chứng kiến ký tên của cụ B, cụ L (Cha mẹ của ông T) trên tờ cổ đất, thời hạn cổ đất là năm năm, ông đã giao vàng và nhận đất quản lý, sử dụng. Đến năm 2015 thì vợ chồng ông Huỳnh Văn N và bà Tăng Thị Út E mang bảy cây vàng 24k lại chuộc đất, do quá thời hạn chuộc đất mà vợ chồng ông T không đến chuộc đất nên khi vợ chồng ông N (Ông N là em ruột của ông T, lúc cổ đất có mặt ông N) mang vàng đến chuộc đất thì vợ chồng ông cho vợ chồng ông N chuộc đất, vợ chồng ông giao đất cho vợ chồng ông N và nhận bảy cây vàng 24k từ vợ chồng ông N, hai bên có làm giấy chuộc đất và có sự chứng kiến của ông Lê Văn Đ (Ông Đ hiện nay đã chết) và ông Cao Văn V, trong giấy chuộc đất có ông Huỳnh Văn B ký tên nhưng ông Bá không có mặt.

Đối với bảy cây vàng 24k mà vợ chồng ông N đưa cho vợ chồng ông để chuộc đất thì ông không biết nguồn gốc từ đâu, không biết của vợ chồng ông N hay của vợ chồng cụ B và cụ L. Khi nhận vàng thì vợ chồng ông cùng vợ chồng Nguyễn có đến tiệm vàng Mỹ N tại Chà Là để thử lại vàng, lúc này vàng bị thiếu, vợ chồng ông N có bù thêm cho vợ chồng ông khoảng hơn 100.000 đồng.

Đối với vụ án thụ lý số 298/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn T và ông Huỳnh Văn N, bà Tăng Thị Út E thì vợ chồng ông không còn liên quan gì nữa, do vợ chồng ông đi làm ăn, không có thời gian để xuống theo giấy mời, giấy triệu tập của Tòa án nên xin Tòa án nhân dân huyện Cái Nước cho vợ chồng ông vắng mặt trong các lần làm việc, hòa giải và xét xử tiếp theo của Tòa án. Ông cam kết những lời khai trên của ông là hoàn toàn đúng sự thật, ông không có bất kỳ khiếu nại nào về sau.

* Bà Nguyễn Thị L trình bày: Đối với số vàng bà đưa cho vợ chồng ông N chuộc đất là do bà mượn của vợ chồng bà Nguyễn Hồng D 1,5 cây vàng 24K, mượn của con dâu thứ hai là Nguyễn Thị D 1,8 cây vàng 24K, số vàng còn lại (3,7 cây vàng 24K) là số tiền chồng bà dùng tiền lương hàng tháng để chơi hụi và hốt hụi để mua vàng. Bà mượn vàng của bà Nguyễn Hồng D vào năm 2015, trước khi chuộc đất vài ngày. Bà nhờ ông Huỳnh Văn N và bà Tăng Thị Út E đến nhà bà Hồng D mượn vàng, khi mượn vàng của bà Hồng D có làm giấy mượn vàng, do ông Huỳnh Văn N và bà Tăng Thị Út E ký nhận (01 lách và 01 nhấn) không nhớ vàng gì. Bà Nguyễn Thị D đem vàng đến nhà cho bà mượn và bà đưa cho vợ chồng ông N và bà Út Em. Đối với số vàng còn lại 3,7 cây vàng 24K chồng của bà là ông Huỳnh Đạt N (Huỳnh Văn B) chơi hụi và hốt hụi đưa tiền cho ông N và bà Út E mua vàng. Mua loại vàng gì thì bà không biết vì bà không trực tiếp chứng kiến việc chồng bà đưa tiền cho ông N và bà Út E đi mua vàng, mà chỉ nghe chồng bà kể lại. Khi chuộc đất chồng bà có bàn bạc với bà, trong tờ cổ đất ngày 11/6/2006 gồm có tên vợ chồng bà, ông T, bà C, ông H, bà không có ký tên trong tờ cổ đất. Phần đất cổ cho ông H do bà đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vợ chồng bà có nói cho toàn bộ phần đất cổ cho Huỳnh Văn T nhưng chỉ nói miệng, chưa làm thủ tục chuyển tên. Lý do đất đã cho ông T, khi cổ đất thì vợ chồng bà và ông T cổ đất cho ông H nhưng khi chuộc đất thì ông N và bà Út E đi chuộc là do ông T đi làm xa không về chuộc đất được nên kêu vợ chồng bà đi

chuộc đất, nhưng khi đó bà đang nuôi con dâu ở Đồng Nai, chồng bà thì lớn tuổi nên vợ chồng bà kêu ông N và bà Út E đi chuộc đất. Khi làm giấy chuộc đất thì ông N và bà Út E ghi tên ông N và bà Út E chứ không ghi tên vợ chồng bà và ông T. Khi chuộc đất chồng bà có nói với ông H là giao cho ông N và bà Út E đi chuộc đất. Số vàng mượn của bà Hồng D và bà D hiện nay đã trả đã trả rồi, chồng bà hốt hui đưa tiền cho ông N và bà Út E mua vàng đem đi trả cho bà Hồng D và bà D. Biên bản họp gia đình ngày 15/4/2018 âm lịch ngoài những thành viên trong gia đình có tên trong biên bản thì không còn ai khác chứng kiến. Khi tham gia họp gia đình ông N có tỉnh táo, bà xác định lại số vàng chuộc đất gồm mượn của bà Hồng D 1,5 cây vàng 24K, mượn của bà D 1,8 cây vàng 24K và 3,7 cây vàng 24K được ông N và bà Út E mua từ tiền chồng bà hốt hui. Số vàng này chồng bà giao cho ông N và bà Út E đi chuộc đất. Sau đó chồng bà hốt thêm hui và đưa tiền cho ông N và bà Út E đi mua 3,3 cây vàng 24K để trả cho bà Hồng D và bà D.

Đối với tranh chấp giữa ông T với ông N và bà Út E bà yêu cầu ông N và bà Út E trả lại đất cho ông T, còn vàng chuộc đất là của vợ chồng bà nên tôi không yêu cầu ông N và bà Út E trả lại. Bà khẳng định những lời trình bày trên là hoàn toàn đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật những lời trình bày trên của mình.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 153/2023/DS-ST ngày 14/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T: Buộc ông Huỳnh Văn N, bà Tăng Thị Út E phải trả lại cho ông T phần đất thuộc 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 817394 và CX 817395 tại 02 (hai) thửa đất là 607 và 808 thuộc tờ bản đồ số 10, tổng diện tích đất là 8.039,2 m² (điểm M1,M2,M3,M4,M5,M6,M7,M8), đất tọa lạc tại ấp Hợp Tác Xã, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/11/2020 (Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn N, bà Tăng Thị Út E: Buộc ông Huỳnh Văn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn N, bà Tăng Thị Út E 70 chỉ (07 lượng) vàng 24K.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/11/2023 nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông N và bà Út E về việc yêu cầu ông T trả lại số vàng chuộc đất có 07 cây vàng 24K vì số vàng chuộc đất không phải là của ông N và bà Út E.

Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T giữ y bản

án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông T Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn ông T kháng cáo không đồng ý một phần bản án sơ thẩm về việc buộc ông trả lại 07 cây vàng 24k cho ông N và bà Út Em với lý do: 07 lượng vàng 24 K chuộc đất không phải của ông N và bà Út Em xuất ra chuộc.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy lý do kháng cáo của ông T là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ:

Trình bày của bà L cho rằng 07 cây vàng 24K mà ông N, bà Út E đưa cho ông H chuộc đất là của bà có được do bà mượn của vợ chồng bà Nguyễn Hồng D 1,5 cây vàng 24K, mượn của con dâu thứ hai là Nguyễn Thị D 1,8 cây vàng 24K. Số vàng còn lại (3,7 cây vàng 24K) là số tiền chồng bà dùng tiền lương hàng tháng để chơi hụi và hốt hụi để mua vàng. Bà có nhờ ông Huỳnh Văn N và bà Tăng Thị Út E đến nhà bà Hồng D mượn vàng, khi mượn vàng của bà Hồng Dân có làm giấy mượn vàng, do ông N và bà Út E ký nhận (01 lách và 01 nhẫn) nhưng bà không nhớ mượn vàng gì. Ngoài ra chị Nguyễn Thị D có đem vàng đến nhà cho bà mượn và bà đã đưa cho vợ chồng ông N và bà Út E. Đối với số vàng còn lại 3,7 cây vàng 24K do chồng của bà là ông Huỳnh Đạt N (Huỳnh Văn B) chơi hụi và hốt hụi đưa tiền cho ông N và bà Út E đi mua vàng.

Ông N, bà Út E trình bày số vàng 07 lượng vàng 24K chuộc đất từ ông Hiếu vợ chồng bà có là xuất phát từ số vàng mà vợ chồng ông bà mượn của ông Huỳnh Văn S và bà Nguyễn Hồng D ở ấp Tân Thuận, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước là 1,5 cây vàng 24K, mượn của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị D 1,8 cây vàng 24K. Đối với số vàng còn lại của vợ chồng ông bà dành dụm mà có cụ thể là làm ruộng và chơi hụi của vợ chồng bà Phạm Thị Đ, của vợ chồng ông Tăng Văn L, của vợ chồng bà Tăng Thị C ở ấp Hợp Tác Xã, xã Tân Hưng,... Vợ chồng ông bà chỉ thả tôm, cua và 06 tháng thu hoạch một lần nên ông bà xác định vàng chuộc đất là vàng riêng của vợ chồng ông bà. Do đó ông bà yêu cầu ông T trả đủ 07 cây vàng 24K cho vợ chồng ông bà thì vợ chồng ông bà sẽ trả đất cho ông T, nếu ông T không trả đủ vàng thì vợ chồng ông bà sẽ tiếp tục canh tác phần đất tranh chấp. Đối với việc ông T cho rằng vàng chuộc đất của cha mẹ ông là không đúng vì thực tế cha mẹ ông đã ly thân 32 năm, tiền ai làm người đó xài, chi tiêu riêng.

[3] Thấy rằng: Căn cứ vào “Tờ chuộc đất” ngày 16/5/2015, Tờ xác nhận chơi hụi ngày (BL184), Tờ xác nhận có mua vàng (BL183), Biên bản làm việc ngày 25/11/2022 (BL151) đối với ông Cao Văn V, Biên bản làm việc ngày 21/11/2022 (BL149) đối với bà Phạm Thị Đ, Biên bản làm việc ngày 21/11/2022 (BL 148) đối với bà Nguyễn Hồng D, lời trình bày của ông Nguyễn Văn H thể hiện thì xét lời trình bày của ông N, bà Út E là có cơ sở, bởi lẽ: Tại Tờ chuộc đất ngày 16/5/2015 có thể hiện rõ vợ chồng ông N là người đưa cho ông Nguyễn Văn H 07 cây vàng 24K, ông H nhận đủ 07 cây vàng từ vợ chồng ông N và có ký tên vào Tờ chuộc đất, ngoài ra còn có sự chứng kiến của ông Cao Văn V, ông Lê Văn Đ (đã chết) và có cả chữ ký của ông B. Mặt dù, ông H, ông V không biết nguồn gốc số

vàng chuộc đất nhưng ông N, bà Út E đem vàng đến chuộc đất từ ông Hiếu là thực tế có xảy ra. Ngoài ra, tại tờ xác nhận chơi hụi, Tờ xác nhận mua vàng thì chủ tiệm vàng Mỹ Nguyên là vợ chồng ông N là khách quen, tại thời điểm chuộc đất thì vợ chồng ông N cũng có đến tiệm vàng để nhờ cân vàng giùm.

Đối với bà L xác định 07 cây vàng 24k để chuộc đất là vàng bà mượn của vợ chồng bà Nguyễn Hồng D 1,5 cây vàng 24K, mượn của con dâu thứ hai là Nguyễn Thị D 1,8 cây vàng 24K, số vàng còn lại (3,7 cây vàng 24K) là số tiền chồng bà dùng tiền lương hàng tháng để chơi hụi và hốt hụi để mua vàng. Bà nhờ ông Huỳnh Văn N và bà Tăng Thị Út E đến nhà bà Hồng D mượn vàng, khi mượn vàng của bà Hồng D có làm giấy mượn vàng, do ông N và bà Út E ký nhận (01 lách và 01 nhấn) không nhớ vàng gì. Đối với số vàng còn lại 3,7 cây vàng 24K chồng của bà là ông Huỳnh Đạt N (Huỳnh Văn B) chơi hụi và hốt hụi đưa tiền cho ông N và bà Út E mua vàng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, qua lời trình bày của bà Phạm Thị Đ xác định thì quá trình tham gia chơi hụi của bà thì ông N (9 Bá) đóng cho bà, hàng tháng do ông N lãnh lương và tiền lãi. Khi hốt hụi thì bà giao trực tiếp cho ông N, thường hốt hụi ông N cất nhà và sắm vàng để dành.

Tại phiên tòa, ông N, bà Út E xác định là ông N và bà L đã ly thân từ lâu (trên 30 năm) nên tiền của ông Ngọc, bà L là chi xài riêng. Như vậy, xét lời trình bày của ông N, bà Út E và Giấy chuộc đất năm 2015 có thể thấy số vàng mà ông N, bà Út E bỏ ra chuộc đất từ ông H là của ông N, bà Út E là có cơ sở. Do ông N, bà Út E là người đã bỏ ra 07 cây vàng 24k để chuộc đất cho ông T nên việc ông N, bà Út E yêu cầu ông T có trách nhiệm trả lại là hoàn toàn phù hợp nên án sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án phía ông T xác định đã đưa 07 cây vàng 24K cho bà L, được bà L nhận và phân chia xong tại Biên bản họp gia đình năm 2018 âm lịch nhưng phía ông N và bà Út E không thừa nhận. Xét thấy, có căn cứ xác định được ông N và bà Út E là người đã xuất ra 07 cây vàng 24k để chuộc đất và cũng là người trực tiếp quản lý, canh tác từ thời điểm chuộc đất về nhưng khi ông T trả vàng và bà L phân chia vàng thì bà Út E không có mặt để trình bày ý kiến là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông N, bà Út E. Do ông N và bà Út E đã bỏ ra 07 cây vàng chuộc đất của ông T từ ông H và vàng là của ông N, bà Út E nên ông T phải có trách nhiệm trả lại cho ông N, bà Út E là phù hợp. Bà L thừa nhận đã nhận vàng của anh T và đã phân chia cho các con thì bà L có trách nhiệm đối với ông T. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp giữa ông T và bà L thì các đương sự này có quyền yêu cầu khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không có cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới nên không có căn cứ xem xét để chấp nhận kháng cáo của ông T.

[5] Từ những phân tích như nêu trên, bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu chấp nhận yêu cầu phản tố của ông N bà Út E về việc yêu cầu ông T trả lại số vàng chuộc đất có 07 cây vàng 24K là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông T, Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông T đã được xét miễn nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 153/2023/DS-ST ngày 14/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T: Buộc ông Huỳnh Văn N, bà Tăng Thị Út E phải trả lại cho ông T phần đất thuộc 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 817394 và CX 817395 tại 02 (hai) thửa đất là 607 và 808 thuộc tờ bản đồ số 10, tổng diện tích đất là 8.039,2 m² (điểm M1,M2,M3,M4,M5,M6,M7,M8), đất tọa lạc tại ấp Hợp Tác Xã, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/11/2020 (*Có sơ đồ đo đạc kèm theo*)

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn N, bà Tăng Thị Út E: Buộc ông Huỳnh Văn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn N, bà Tăng Thị Út E 70 chỉ (07 lượng) vàng 24K.

3. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản là 18.324.840đ: Ông Huỳnh Văn N, bà Tăng Thị Út E phải chịu toàn bộ. Đã qua, ông Huỳnh Văn T đã dự nộp xong nên ông N, bà Út có nghĩa vụ trả lại cho ông T số tiền 18.324.840đ (*Mười tám triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn, tám trăm bốn mươi đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nêu trên tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn N và bà Tăng Thị Út E phải có nghĩa vụ nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Ngày 04/01/2022 ông N, bà Út Em có dự nộp số tiền 8.785.000đ (*Tám triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0007660 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được đối trừ, ông N, bà Út Em được nhận lại số tiền chênh lệch là 8.485.000đ (Tám triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Ông Huỳnh Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.464.000đ (Hai mươi triệu, bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Ngày 16/11/2021 ông T có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007582 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được đối trừ, ông T có nghĩa vụ nộp tiếp 20.164.000đ (Hai mươi triệu, một trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

5. Án phí phúc thẩm: Ông T phải chịu là 300.000đ. Ngày 25/12/2023 ông T đã dự nộp 300.000đ lai thu số 0012683 tại Chi cục THADS huyện Cái Nước được chuyển thu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Hoàng